

Số: /SNN&PTNT-PTNT

Thanh Hoá, ngày tháng 7 năm 2020

V/v báo cáo kết quả thực hiện  
Chương trình phối hợp hành  
động bảo vệ môi trường giai đoạn  
2016 - 2020, kế hoạch thực hiện  
giai đoạn 2021 - 2025

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Công văn số 4513/STNMT-BVMT ngày 02/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phối hợp hành động bảo vệ môi trường giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo như sau:

## **A. Tình hình thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2016 - 2020**

### **I. Những kết quả đạt được**

#### **1. Công tác chỉ đạo và triển khai kế hoạch**

Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc quán triệt, triển khai đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động về nội dung Chương trình phối hợp hành động bảo vệ môi trường, giai đoạn 2016 – 2020 và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về công tác quản lý môi trường như: Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 về ban hành quy định vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Thanh Hóa; Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 04/12/2018 của UBND tỉnh thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 06/8/2018 về thực hiện Chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025; Kế hoạch hàng năm về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, hưởng ứng ngày Môi trường thế giới (05/06) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

#### **2. Công tác tuyên truyền**

Hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường được Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai sâu rộng đến công chức, viên chức, người lao động; các sự kiện lớn về môi trường như Giờ Trái đất, Ngày Trái đất (22/4), Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày quốc tế Đa dạng sinh học (22/5), Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, ... được phát động, triển khai; hàng năm, Sở đã chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình hành động, như: tổ chức triển khai công tác trồng rừng, bảo vệ rừng; tổ chức các lớp tập huấn ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ “1 phải 5 giảm” (phải sử dụng giống xác nhận - giảm lượng giống gieo sạ, giảm phân đạm và thuốc BVTV, giảm nước tưới, giảm thất thoát sau thu hoạch),

Chương trình huấn luyện quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), Chương trình ICM (3 giảm, 3 tăng: giảm giống, giảm phân, giảm thuốc BVTV; tăng năng suất, tăng chất lượng, tăng hiệu quả kinh tế); tuyên truyền vận động bà con dân tộc miền núi không phá rừng làm nương rẫy, không đốt rừng trái phép trong mùa khô; ... tuyên truyền việc hạn chế sử dụng túi ni lông; phối hợp với đoàn thanh niên vệ sinh cơ quan, công sở; phối hợp với các đoàn thể tổ chức các buổi vệ sinh môi trường các khu danh lam thắng cảnh, khu du lịch biển, khu dân cư, ...;

Trong lĩnh vực chăn nuôi – thú y đã tổ chức hội nghị triển khai, quán triệt Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, các văn bản pháp luật có liên quan và tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các đợt tổ chức tháng hành động về vệ sinh tiêu độc, khử trùng chuồng trại, môi trường chăn nuôi, trong tháng hành động về vệ sinh bảo đảm an toàn thực phẩm trong giết mổ, vận chuyển kinh doanh thịt gia súc, gia cầm vào những ngày lễ, tết, tuyên truyền, khuyến khích các hộ chăn nuôi lắp đặt hầm biogas bằng vật liệu composite nhằm xử lý chất thải trong chăn nuôi, ... in ấn và niêm yết 120 bảng tin tại các chợ, 470 băng zon tuyên truyền, 800 cuốn sổ tay phòng, chống bệnh truyền nhiễm; 3.385.000 tờ rơi, tờ bướm về phòng, chống dịch bệnh; 148 bài viết đăng trên tạp chí khuyến nông tỉnh; 100 cuốn sách hướng dẫn về bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và hướng dẫn công tác phòng, chống, ... để cấp phát cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, buôn bán, giết mổ gia súc, gia cầm bảo đảm an toàn thực phẩm, sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, người hành nghề thú y, góp phần thúc đẩy phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững.

Về nước sạch sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, hàng năm đều tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cho các địa phương vùng nông thôn từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, dưới các hình thức, như: Tập huấn truyền thông trực tiếp tại cộng đồng địa phương; tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài phát thanh truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa...); tập huấn hướng dẫn quản lý vận hành công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn; in ấn tờ rơi, pa nô áp phích cấp cho các xã tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng nước sạch và giữ gìn vệ sinh, xử lý, trữ nước an toàn... Hàng năm phối hợp với các địa phương triển khai Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường (từ 29/4 đến 4/5 hàng năm) để tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về sử dụng nước sạch, vệ sinh cá nhân và cộng đồng.

### **3. Hoạt động của các mô hình bảo vệ môi trường**

- *Hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển rừng*: Hàng năm triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh; tình trạng cháy rừng, chặt phá rừng trái phép giảm qua các năm; mỗi năm toàn tỉnh trồng mới trên 10.000 ha rừng tập trung, 2 triệu cây phân tán, độ che phủ rừng toàn tỉnh năm sau cao hơn năm trước, tăng từ 52,8% năm 2015 lên 53,4% năm 2019; đây là kết quả quan trọng, góp phần tích cực trong công cuộc bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- *Hoạt động bảo vệ môi trường làm việc, môi trường sống*: Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai đến tất cả các đơn vị trực thuộc yêu cầu bố trí thùng đựng rác có nắp đậy để phân loại rác thải, túi ni lông sử dụng trong sinh hoạt và hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phân loại rác thải, góp phần giữ vệ sinh môi trường xanh sạch đẹp; đẩy mạnh, nhân rộng và duy trì các phong trào: “5 không, 3 sạch”, “Vệ sinh cơ quan chiều thứ 6”... góp phần cải thiện môi trường sống, làm việc, nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe, môi trường, hình thành hành vi ứng xử thân thiện với môi trường của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Tại các trụ sở làm việc, các đơn vị đã phát động phong trào nạo vét, khơi thông cống rãnh, tổng vệ sinh, dọn đường, san lấp hồ, “ổ gà” để tạo khuôn viên cơ quan “xanh, sạch, đẹp”; thu gom, phân loại, xử lý rác thải đúng thời gian và đúng nơi quy định, trồng hoa và tạo hàng rào xanh xung quanh trụ sở làm việc, sắp xếp phòng làm việc gọn gàng, ngăn nắp, hợp vệ sinh, không xả thải ra môi trường; các đơn vị khu vực miền biển tổ chức ra quân tham gia thu gom rác thải trên bờ biển, làm sạch cảnh quan trên biển và tích cực tham gia các phong trào về bảo vệ môi trường do địa phương tổ chức.

- *Các mô hình, dự án bảo vệ môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi*:

+ Chương trình “Hỗ trợ xây dựng công trình xử lý chất thải trong chăn nuôi theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020”: Đã hỗ trợ khoảng 88,9 tỷ đồng, gồm năm 2016 là 23,3 tỷ đồng, năm 2017 là 15,2 tỷ đồng, năm 2018 là 15,6 tỷ đồng, năm 2019 là 16,3 tỷ đồng và năm 2020 ước thực hiện 18,5 tỷ đồng.

+ Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2011 - 2017 đã thực hiện hỗ trợ xây dựng 1.800 công trình khí sinh học biogas với tổng mức hỗ trợ 8,1 tỷ đồng; trong đó, năm 2016 – 2017 là 800 công trình tổng mức hỗ trợ là 3,6 tỷ đồng.

+ Dự án khí sinh học Việt Nam - Hà Lan (SNV) đã hỗ trợ xây dựng được 15.338 công trình khí sinh học biogas với mức hỗ trợ 18,4 tỷ đồng, giai đoạn 2015 - 2017 hỗ trợ 1.315 công trình với mức hỗ trợ 1,6 tỷ đồng.

- Mô hình bảo vệ môi trường tại Ban quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh đã được cấp chứng chỉ rừng theo phương án quản lý rừng bền vững, trong đó chỉ tiêu bảo vệ rừng là một trong 10 nguyên tắc đánh giá về giám sát môi trường, xử lý hệ thống rác thải, gồm: Xử lý rác thải độc hại (dầu mỡ trong bảo dưỡng máy móc thiết bị) chi phí 10.000.000 đ/năm; xử lý rác thải trong sinh hoạt, trang bị các thùng chứa thu gom, phân loại rác thải, đã bố trí 25 thùng loại 65 lít đạt tiêu chuẩn, chi phí 13.000.000 đ; Ký kết hợp đồng với các Hợp tác xã, đơn vị thu gom rác thải mỗi năm chi phí 4.320.000 đ; xây dựng 6 công trình tổng hợp, gồm: nhà vệ sinh, nhà tắm, giếng nước hợp vệ sinh, hệ thống cống rãnh xử lý nước thải trong sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn chi phí trên 300.000.000đ; xây dựng khu vực xử lý rác thải sinh hoạt trong cơ quan như lá cây, rác thải sinh hoạt khác để làm phân bón cây, giảm tải trong việc thu gom của các đơn vị VSMT.

#### **4. Tình hình thực hiện nhiệm vụ, mô hình bảo vệ môi trường và sử dụng kinh phí trong chương trình hành động bảo vệ môi trường giai đoạn 2016 - 2020**

- Dự án “Trồng rừng sản xuất phủ xanh đất trống, đồi núi trọc” do Ban QL Khu BTTN Pù Hu làm Chủ đầu tư. Kết quả: Đã tổ chức trồng mới được 456,8 ha rừng sản xuất trên địa bàn huyện Quan Hóa (90 ha) và huyện Mường Lát (366,8 ha); đến nay rừng trồng sinh trưởng, phát triển tốt, đã giúp phủ xanh đất chống đồi núi trọc, chống xói mòn gây sạt lở đất, lũ lụt và phát triển dân sinh, kinh tế cho người dân vùng đệm khu bảo tồn.

- Dự án “Ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái đa dạng sinh học bởi các loài động thực vật xâm lấn tại Khu BTTN Pù Hu” do Ban QL Khu BTTN Pù Hu làm Chủ đầu tư. Kết quả: Đã cung cấp đầy đủ thông tin về hiện trạng, phân bố, sinh trưởng, tái sinh, mức độ suy thoái ĐDSH do các loài ngoại lai xâm hại, bổ sung vào cơ sở dữ liệu về động thực vật trong Khu bảo tồn. Xây dựng được các biện pháp ngăn ngừa và kiểm soát các loài ngoại lai xâm hại có hiệu quả tại Khu BTTN Pù Hu, góp phần xoá đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống cho những người tham gia trực tiếp vào các hoạt động bảo tồn và những người sống gần rừng. Giữ vững an ninh lương thực, góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc phòng cho vùng biên giới. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do các chất thải khác nhau của sinh vật xâm lấn không được xử lý và đổ trực tiếp ra môi trường bên ngoài làm hủy hoại nơi cư trú và môi trường sống của nhiều loài sinh vật hoang dã.

- Dự án “Trồng rừng bán ngập nước tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường vùng ven lòng hồ chứa nước Cửa Đạt, tỉnh Thanh Hóa” do Ban QL Khu BTTN Xuân Liên làm Chủ đầu tư. Kết quả: đã trồng được 59,5 ha, gồm các loài cây trồng được khảo sát trồng phù hợp với điều kiện đất bán ngập như loài: Liễu rũ, Tràm úc, Vàng anh, Lộc vừng, Tre ngà, Dừa xiêm, ... xác định được 02 loài cây đưa vào trồng nhân rộng mô hình đối với loài cây Tre ngà trồng ở đai cao (116m đến 120m), loài cây Tràm úc trồng ở tất cả các đai (từ 110m đến 120m); đối với hoạt động xử lý loài cây Mai dương, dự án đã sử dụng biện pháp sinh hóa kết hợp thủ công để xử lý và tổ chức trồng rừng để ngăn chặn sự tái xâm hại. Dự án đã được hội đồng khoa học chuyên ngành tỉnh đánh giá xếp loại “Đạt”.

- Dự án “Điều tra đánh giá hiện trạng và bảo tồn các loài Cu li (*Nycticebus* spp) tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên” do Ban QL Khu BTTN Xuân Liên làm Chủ đầu tư. Kết quả: Đã tổ chức tập huấn và điều tra hiện trạng phân bố Culi, ghi nhận được 03 cá thể Cu li nhỏ và các loài động vật khác như Cây vằn gấm, Đuôi cụt cánh xanh, Gà rừng trong quá trình điều tra soi đêm. Xây dựng các tuyến điều tra, xác định các chỉ số giám sát, xây dựng tuyến giám sát; phối hợp với Đài truyền hình huyện Thường Xuân xây dựng tài liệu tuyên truyền về bảo tồn các loài Cu li.

- Dự án “Nâng cấp cải tạo hệ thống thu gom, xử lý chất thải khí trong quá trình phân tích kiểm nghiệm tại Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa” do Chi cục Quản lý chất lượng nông,

lâm sản và thủy sản làm Chủ đầu tư. Kết quả: Đã đầu tư xây dựng 01 hệ thống thu gom khí thải và 01 hệ thống xử lý khí thải với công suất 20.000 - 30.000 m<sup>3</sup>/giờ. Từ khi hoàn thành và đi vào hoạt động đến nay, các chất thải khí độc hại sinh ra trong quá trình kiểm nghiệm của Trung tâm đã được thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường đảm bảo theo QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT, từ đó bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, nhân viên trong cơ quan và nhân dân trong khu vực.

*(Chi tiết có Phụ lục 01 đính kèm)*

## **II. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục về bảo vệ môi trường có lúc, có nơi chưa được thường xuyên, kịp thời. Nhận thức của một số công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế, coi việc bảo vệ môi trường là của chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng.

- Tình trạng chăn nuôi gia súc, gia cầm xen kẽ trong các khu dân cư trên địa bàn các huyện hiện nay làm cho việc xử lý chất thải, nước thải không triệt để sẽ trở thành ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn. Tập quán chăn nuôi thả rông (trâu, bò, vịt chạy đồng) phương thức chăn nuôi này không kiểm soát được chất thải chăn nuôi, gây ô nhiễm môi trường sống cho chính các các hộ chăn nuôi. Quy định về các tiêu chí môi trường theo TCVN 62-MT: 2016/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải chăn nuôi là tương đối cao so với khả năng thực tế xử lý tại các trang trại chăn nuôi hiện nay.

- Chưa tranh thủ được nhiều nguồn vốn trong Chương trình phối hợp bảo vệ môi trường để thực hiện các mô hình, dự án góp phần bảo vệ môi trường.

### **2. Nguyên nhân**

- Hình thức chăn nuôi chủ yếu khu vực nông thôn trong tỉnh là chăn nuôi nông hộ chiếm 65- 70% tổng đàn gia súc, gia cầm của toàn tỉnh; trong khi đó địa hình trong tỉnh phức tạp, diện tích rộng lớn và hoạt động chăn nuôi đa dạng, dẫn đến việc chuyển giao công nghệ kỹ thuật chăn nuôi gặp nhiều khó khăn.

- Trình độ và kỹ thuật, điều kiện kinh tế của người chăn nuôi còn tương đối thấp, việc xây dựng trang trại có quy mô và xử lý được chất thải còn chiếm tỷ lệ thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Đầu ra của các sản phẩm trong chăn nuôi, giá cả thị trường bấp bênh, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trong cả nước nói chung và của tỉnh Thanh Hóa nói riêng nên việc đầu tư xây dựng chuồng trại còn thấp, các hộ chăn nuôi mang tính thời vụ, chưa chuyên sâu.

## **III. Đề xuất, kiến nghị**

- Đề nghị phải có sự vào cuộc quyết liệt hơn nữa của các Cấp ủy, chính quyền các cấp về vấn đề bảo vệ môi trường; phải xem đây là nhiệm vụ cấp bách,

thường xuyên và dài hạn của các địa phương; phải được lồng ghép trong các quy hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và an ninh lương thực.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động công chức, viên chức, người lao động và nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là công tác phân loại chất thải rắn tại nguồn và không sử dụng túi nilon dùng một lần; bảo vệ rừng, không phá rừng để làm nương rẫy; không mang lửa vào rừng; không khai thác gỗ, lâm sản phụ, săn bắn, bẫy bắt động vật hoang dã trái phép.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý bảo vệ môi trường, thống kê môi trường, báo cáo công tác môi trường, xây dựng và triển khai các mô hình bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ chuyên trách.

- Bố trí nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường để thanh, kiểm tra và thực hiện các mô hình, dự án, chương trình bảo vệ môi trường rừng; môi trường biển; môi trường trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; môi trường nước sinh hoạt, ... do ngành nông nghiệp phụ trách.

## **B. Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021 - 2025**

Giai đoạn 2021 - 2025, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường cho 23 dự án; tổng kinh phí 84.758 triệu đồng (*chi tiết có Phụ lục 02 đính kèm*).

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, PTNT.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Thị Yến**

**Phụ lục 1**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2016 - 2020**

*DVT: triệu đồng*

S TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2016	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí năm 2020	Các kết quả chính đã đạt được
<b>1</b>	<b>Ban QL Khu BTTN Pù Hu</b>		<b>6.855,7</b>	<b>2.619,7</b>	<b>1.562,0</b>	<b>1.130,0</b>	<b>1.544,0</b>		<i>(Nguồn KP sự nghiệp môi trường)</i>
1.1	Dự án trồng rừng sản xuất	2016 - 2020	3.855,7	2.619,7	562,0	-	674,0	-	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế và trồng rừng sản xuất tại xã Trung Lý, huyện Mường Lát: 366,8ha; huyện Quan Hoá 90 ha. Đến nay, rừng trồng sinh trưởng phát triển tốt, cơ bản phủ xanh đất trống đồi núi trọc</li> <li>- Họp dân tuyên truyền, vận động tham gia trồng rừng được 17 cuộc với 367 lượt người tham gia</li> </ul>
1.2	Dự án ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái đa dạng sinh học bởi các loài động thực vật xâm lấn tại Khu BTTN Pù Hu	2017-2019	3.000	-	1.000	1.130	870	-	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ phục vụ các hoạt động</li> <li>- Nâng cao năng lực diệt trừ loài ngoại lai xâm hại cho cán bộ Kiểm lâm Khu bảo tồn và cán bộ các xã vùng đệm thông qua tập huấn và điều tra thực địa</li> <li>- Thống kê, phân loại; xây dựng bản đồ phân bố của loài ngoại lai</li> <li>- Tổ chức được 61 hội nghị tuyên truyền nâng cao nhận thức về loài ngoại lai xâm hại với 3.050 lượt người tham gia.</li> <li>- Thành lập và triển khai hoạt động của mạng lưới thông tin về loài xâm lấn, tố giác các hành vi xâm hại tài nguyên rừng.</li> <li>- Ban hành quy chế phối hợp kiểm soát và ngăn chặn các loài ngoại lai xâm hại.</li> <li>- Theo dõi đặc điểm sinh trưởng, phát triển; thử nghiệm các phương pháp diệt trừ 3 loài: Cỏ lào, Trinh nữ móc và Ốc bưu vàng tại cộng đồng.</li> <li>- Xây dựng chương trình hành động cùng cộng đồng, chính quyền địa phương tham gia kiểm soát và diệt trừ loài xâm lấn tại khu vực giáp ranh.</li> </ul>

S TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2016	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí năm 2020	Các kết quả chính đã đạt được
2	<b>Ban QL Khu BTTN Xuân Liên</b>		7.532,708	-	3.692,000	1.034,000	1.603,295	738,988	<i>(Nguồn KP sự nghiệp môi trường)</i>
2.1	Dự án: “Trồng rừng bán ngập nước tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường vùng ven lòng hồ chứa nước Cửa Đạt, tỉnh Thanh Hóa”	2017-2019	5.037,0	-	3.692,0	1.034,0	311,0		Kết quả dự án đã trồng được 59,5 ha, gồm các loài cây trồng được khảo sát trồng phù hợp với điều kiện đất bán ngập như loài: Liễu rũ, Tràm úc, Vàng anh, Lộc vừng, Tre ngà, Dừa xiêm... Xác định được 02 loài cây đưa vào trồng nhân rộng mô hình đối với loài cây Tre ngà trồng ở đai cao (116m đến 120m), loài cây Tràm úc trồng ở tất cả các đai (từ 110m đến 120m); Đối với hoạt động xử lý loài cây Mai dương dự án đã sử dụng biện pháp phòng trừ tổng hợp để tiêu diệt cây Mai dương đó là kết hợp sinh hóa kết hợp thủ công để xử lý, trồng rừng để ngăn chặn sự tái xâm hại. Dự án đã được hội đồng khoa học chuyên ngành tỉnh đánh giá xếp loại “Đạt”.
2.2	Dự án “Điều tra đánh giá hiện trạng và bảo tồn các loài Cu li (Nycticebus spp) tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, tỉnh Thanh Hóa”	2019-2021	2.495,708	-	-	-	1.292,295	738,988	Tổ chức tập huấn điều tra Culi; Điều tra hiện trạng phân bố Culi tại Khu vực đường Hón can đi thác Thiên Thủy, đã ghi nhận 03 cá thể Cu li nhỏ, các loài động vật khác như Cây vằn gấm, Đuôi cụt cánh xanh, Gà rừng trong quá trình điều tra soi đêm. Xây dựng tuyến điều tra, xác định các chỉ số giám sát, xây dựng tuyến giám sát; Phối hợp với Đài truyền hình huyện Thường Xuân xây dựng tài liệu tuyên truyền về bảo tồn các loài Cu li.
3	<b>Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản</b>		3.050,234		3.050,234				<i>(Nguồn KP sự nghiệp môi trường)</i>
3.1	Dự án: Nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom, xử lý chất thải khí trong quá trình phân tích kiểm nghiệm tại Trung	2017	3.050,234		3.050,234				Xây dựng 01 hệ thống thu gom khí thải và 01 hệ thống xử lý khí thải với công suất 20.000-30.000 m <sup>3</sup> /giờ; các chất thải khí độc hại sinh ra trong quá trình kiểm nghiệm của Trung tâm đã được thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường đảm bảo theo QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT



S TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2016	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí năm 2020	Các kết quả chính đã đạt được
	tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa								
<b>4</b>	<b>Chi cục Thủy sản</b>		<b>60</b>					<b>60</b>	<i>(Nguồn KP sự nghiệp môi trường)</i>
4.1	Quản lý thủy sinh vật ngoại lai	2020 - 2023	60					60	<ul style="list-style-type: none"> <li>- In ấn 50.000 tờ rơi; tổ chức 04 lớp tập huấn tuyên truyền các quy định của pháp luật về quản lý thủy sinh vật ngoại lai và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</li> <li>- Đa số cộng đồng dân cư nhận thức được tác hại đối với môi trường sống của các loài thủy sinh vật ngoại lai và nắm được các quy định của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</li> <li>- Cập nhật tổng hợp danh sách của các loài thủy sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh.</li> <li>- Tổ chức kiểm tra, nắm bắt tình hình quản lý thủy sinh vật ngoại lai và môi trường thủy sản trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các địa phương rà soát, tổng hợp các loài thủy sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>
<b>5</b>	<b>Ban QL RPH Lang Chánh</b>		<b>462,2</b>	<b>171,2</b>	<b>71,2</b>	<b>71,2</b>	<b>74,3</b>	<b>74,3</b>	<i>(Nguồn KP tự có)</i>
5.1	Đề án BVMT chi tiết XCBL	2015	100	20	20	20	20	20	Đảm bảo đúng Quy định về giám sát môi trường
5.2	Giám sát môi trường FSC	2019	62,2	11,2	11,2	11,2	14,3	14,3	Đạt tiêu chuẩn VSMT theo 10 nguyên tắc FSC
5.3	XD các công trình VS, nhà tắm, giếng nước hợp vệ sinh	2016	300	140	40	40	40	40	Đảm bảo hợp vệ sinh phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày
	<b>Tổng cộng</b>		<b>17.960,84</b>	<b>2.790,90</b>	<b>8.375,43</b>	<b>2.235,20</b>	<b>3.221,60</b>	<b>873,29</b>	

## Phụ lục 2

### KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

*DVT: triệu đồng*

TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Ban QL Khu BTTN Pù Hu</b>					<b>11.700</b>	<b>-</b>	<b>2.000</b>	<b>3.500</b>	<b>3.200</b>	<b>2.200</b>	<b>800</b>	
1.1	Điều tra bảo tồn và phát triển một số loài cây thuốc dưới tán rừng Khu BTTN Pù Hu	Nhằm bảo tồn các loài cây thuốc quý, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu BTTN Pù Hu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều tra, xác định các loài cây thuốc có giá trị, phân bố và đặc điểm sinh học của các loài cây thuốc;</li> <li>- Xác định các yếu tố gây ảnh hưởng đến các loài cây thuốc;</li> <li>- Xây dựng được 02 mô hình trồng các loài cây thuốc trong rừng đặc dụng và ngoài cộng đồng.</li> </ul>	Báo cáo danh lục các loài cây thuốc có giá trị; báo cáo xác định phân bố, đặc điểm sinh học của các loài cây thuốc; Báo cáo xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến các loài cây thuốc; Xây dựng được 02 mô hình, mỗi mô hình 03 ha	2021-2023	3.200		800	1.500	900			
1.2	Điều tra đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp bảo tồn loài Mang lớn (Muntiacus vuquangensis) tại Khu BTTN Pù Hu	Đánh giá hiện trạng và đề xuất được các giải pháp bảo tồn hiệu quả loài Mang lớn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập huấn phương pháp điều tra.</li> <li>- Điều tra đánh giá hiện trạng phân bố.</li> <li>- Xây dựng bản đồ phân bố.</li> <li>- Điều tra, đánh giá các nguy cơ đe dọa</li> <li>- Tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ loài cho người dân</li> <li>- Xây dựng giải pháp bảo tồn loài</li> <li>- Xây dựng tư liệu thông tin về loài;</li> <li>- Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về loài</li> <li>- Mua sắm tài sản phục vụ dự án</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu tập huấn</li> <li>- Các tuyến, điểm điều tra, báo cáo điều tra; Bản đồ phân bố.</li> <li>- Báo cáo kết quả điều tra;</li> <li>- Tài liệu tuyên truyền</li> <li>- Bộ giải pháp bảo tồn loài</li> <li>- Bảng tuyên truyền, tờ rơi, tập gấp, poster</li> <li>- Tài liệu tuyên truyền, thẻ lệ cuộc thi</li> <li>- Trang thiết bị, dụng cụ</li> </ul>	2022-2024	3.500			1.200	1.000	1.300		
1.3	Điều tra đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp bảo tồn các loài Chim quý, hiếm, nguy cấp tại Khu BTTN Pù Hu	Nhằm đánh giá được hiện trạng và đề xuất được các giải pháp bảo tồn hiệu quả các loài Chim quý, hiếm, nguy cấp tại Khu BTTN Pù Hu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập trình duyệt dự án</li> <li>- Tập huấn phương pháp điều tra.</li> <li>- Điều tra đánh giá hiện trạng phân bố.</li> <li>- Xây dựng bản đồ phân bố.</li> <li>- Điều tra, đánh giá các nguy cơ đe dọa</li> <li>- Tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ loài cho người dân</li> <li>- Xây dựng giải pháp bảo tồn loài</li> <li>- Xây dựng tư liệu thông tin về loài</li> <li>- Tổ chức cuộc thi tìm hiểu loài</li> <li>- Mua sắm tài sản phục vụ dự án</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết minh được duyệt.</li> <li>- Tài liệu tập huấn</li> <li>- Các tuyến, điểm điều tra, báo cáo điều tra</li> <li>- Bản đồ phân bố.</li> <li>- Báo cáo kết quả điều tra</li> <li>- Tài liệu tuyên truyền</li> <li>- Bộ giải pháp bảo tồn loài</li> <li>- Bảng tuyên truyền, tờ rơi, tập gấp, poster</li> <li>- Tài liệu, thẻ lệ cuộc thi</li> <li>- Trang thiết bị, dụng cụ</li> </ul>	2023-2025	3.000				1.300	900	800	

TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
1.4	Dự án Lập hồ sơ ranh giới và cắm mốc rừng đặc dụng tại Khu BTTN Pù Hu	Nhằm để người dân nắm rõ ranh giới đất rừng đặc dụng và đất rừng sản xuất của người dân, từ đó bảo vệ an toàn được diện tích rừng đặc dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập trình duyệt dự án</li> <li>- Chuyển hệ thống đường ranh giới lên bản đồ nền và thiết kế sơ bộ mạng lưới mốc, bảng</li> <li>- Xác định ranh giới, vị trí cắm mốc, bảng ngoài thực địa và mô tả ranh giới.</li> <li>- Xây dựng, đóng mốc, bảng ngoài thực địa</li> <li>- Tuyên truyền chỉ rõ ranh giới, mốc, bảng cho cộng đồng 11 xã</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết minh được duyệt.</li> <li>- Bản đồ mốc, giới</li> <li>- Phiếu mô tả ranh giới</li> <li>- Hệ thống mốc, bảng mới được đóng ngoài thực địa</li> <li>- Tài liệu tuyên truyền mốc giới</li> </ul>	2021 - 2022	2.000		1.200	800				
2	<b>Ban QL Khu BTTN Xuân Liên</b>					<b>53.138,2</b>	<b>12.351,5</b>	<b>9.160,0</b>	<b>8.846,7</b>	<b>11.280,0</b>	<b>6.500,0</b>	<b>5.000,0</b>	
2.1	Đề tài: Nghiên cứu bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen Lan hài vân bắc (Paphiopedilum callosum (Rechb.f.) Pfitzer), Lan hài lông (Paphiopedilum hirsutissimum (Lindl.ex Hook.) Stein.) và Lan thủy tiên hương (Dendrobium amabile O'Brien.) cho vùng Bắc Trung bộ.	Bảo tồn, khai thác và phát triển bền vững nguồn gen 03 loài lan bản địa quý hiếm có giá trị kinh tế cao: Lan hài vân bắc, Lan hài lông và Lan thủy tiên hương cho vùng Bắc Trung bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung hiện trạng, vùng phân bố; thực trạng khai thác, kinh doanh đối với 03 loài lan Hài lông, Hài vân bắc và Hoàng thảo thủy tiên hương khu vực vùng Bắc Trung bộ.</li> <li>- Xác định được đặc điểm nông sinh học, sinh thái và đa dạng di truyền (mức độ hình thái và mức độ phân tử) của 03 loài lan quý hiếm, có giá trị kinh tế cao Hài lông, Hài vân bắc và Hoàng thảo thủy tiên hương.</li> <li>- Xây dựng được các quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc đối với 03 loài Lan được lựa chọn.</li> <li>- Xây dựng được 01 mô hình vườn giống gốc (quy mô 4.500 cây/03 loài) và 03 mô hình cây thương phẩm (quy mô 45.000 cây/03 loài).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cây giống gốc đối với 03 loài Lan: Hài lông, Hài vân bắc và Hoàng thảo thủy tiên hương 4.500 cây/3 loài. Cây giống trồng nhà lưới được nhân giống từ cây giống gốc Tổng cộng tối thiểu 45.000 cây/3 loài; 01 Báo cáo về đặc điểm sinh học, sinh thái và đa dạng di truyền ở mức hình thái, mức độ phân tử của loài lan Hài lông; 01 Báo cáo về đặc điểm sinh học, sinh thái và đa dạng di truyền ở mức hình thái, mức độ phân tử của loài lan Hài vân bắc; 01 Báo cáo về đặc điểm sinh học, sinh thái và đa dạng di truyền ở mức hình thái, mức độ phân tử của loài lan Thủy tiên hương. 02 quy trình nhân giống nhanh in vitro từ hạt cho 02 loài Lan hài, 01 quy trình nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào cho Lan thủy tiên hương. 03 quy trình nhân giống vô tính bằng tách chồi cho 03 loài lan. 03 quy trình nuôi trồng và chăm sóc cho 03 loài lan.</li> </ul>	Năm 2017-2021	<b>5.120,0</b>	5.000,0	120,0	-	-	-	-	

TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
2.2	Đề tài: Khai thác và phát triển nguồn gen dược liệu Na rừng tại Thanh Hóa và các tỉnh Bắc trung bộ:	Khai thác và phát triển hiệu quả nguồn gen Na rừng tại các tỉnh Bắc Trung bộ làm dược liệu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định hiện trạng, đặc điểm nông sinh học, đa dạng di truyền và giá trị sử dụng của nguồn gen Na rừng tại khu vực vùng Bắc Trung bộ.</li> <li>- Xây dựng vườn giống gốc và mô hình vườn ươm cây giống quy mô 50.000 cây giống/năm.</li> <li>- Xây dựng được quy trình kỹ thuật sản xuất giống Na rừng; Quy trình kỹ thuật sản xuất dược liệu Na rừng theo hướng dẫn GACP-WHO.</li> <li>- Xây dựng được 02 mô hình trồng Na rừng quy mô: Tập trung (01 ha); dưới tán rừng (03 ha).</li> <li>- Xây dựng được tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu Na rừng (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính). Sản xuất 03 tấn dược liệu Na rừng đạt tiêu chuẩn cơ sở.</li> <li>- Đào tạo tập huấn, chuyên giao công nghệ cho người dân địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cây giống Na rừng sản xuất tại vườn ươm, số lượng cây giống 50.000 cây (25.000 cây giống từ gieo hạt; 25.000 cây giống từ giâm hom).</li> <li>- Vườn giống gốc 1.000 cây giống trong đó: 200 cây đạt tiêu chuẩn phục vụ nhân giống và 800 cây phục vụ làm nguyên liệu sản xuất dược liệu.</li> <li>- Mô hình trồng tập trung cây Na rừng, 01 ha trồng tập trung (2.500 cây/ha). Mô hình trồng dưới tán rừng 03 ha trồng dưới tán rừng (1.250 cây/ha). Mô hình vườn ươm cây giống diện tích 300 m<sup>2</sup>.</li> <li>- Dược liệu Na rừng đạt Tiêu chuẩn cơ sở 03 tấn dược liệu được kiểm định đạt tiêu chuẩn cơ sở (300kg dược sản xuất từ quả và 2.700kg dược sản xuất từ bộ phận trên mặt đất (thân lá..))</li> </ul>	Năm 2019-2023	3.950,0	2.400,0	810,0	460,1	280,0	-	-	
2.3	Dự án: “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nhân giống, trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cây Quế Ngọc theo chuỗi giá trị tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá”:	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng thành công mô hình nhân giống, trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cây Quế ngọc theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao thu nhập,	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức chủ trì tiếp nhận, làm chủ và triển khai hiệu quả 05 quy trình công nghệ phù hợp với điều kiện của huyện Thường Xuân: Quy trình kỹ thuật nhân giống Quế (Cinnamomum cassia). Quy trình kỹ thuật trồng rừng thâm canh Quế (Cinnamomum cassia). Quy trình chăm sóc rừng trồng thâm canh Quế (Cinnamomum cassia). Quy trình thu hoạch, bảo quản và sơ chế cành lá cây Quế. Quy trình chưng cất tinh dầu từ cành và lá Quế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển giao quy trình công nghệ: Quy trình kỹ thuật nhân giống Quế. Quy trình kỹ thuật trồng rừng thâm canh Quế. Quy trình chăm sóc rừng trồng thâm canh Quế. Quy trình thu hoạch, bảo quản và sơ chế cành lá Quế. Quy trình chưng cất tinh dầu từ cành và lá Quế</li> <li>- Mô hình vườn ươm cây giống Quế diện tích 5,0 ha. Mô hình trồng 90 ha rừng</li> </ul>	Năm 2019-2022	3.580,0	2.000,0	580,0	500,0	500,0			

TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
		phát triển kinh tế cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân và giảm áp lực vào rừng đặc dụng, rừng tự nhiên tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	<p>- Xây dựng thành công các mô hình: Mô hình vườn ươm cây giống Quế bằng hạt, quy mô 0,5 ha, cung cấp 200.000 cây giống/năm. Mô hình trồng rừng Quế với tổng diện tích là 90,0 ha, trong đó: Trồng hỗn giao cây lâm nghiệp 20,0 ha tỷ lệ cây sống đạt trên 90%, cây sinh trưởng tốt. Trồng xen cây nông nghiệp 10,0 ha tỷ lệ cây sống đạt trên 90%, cây sinh trưởng tốt. Trồng dưới tán rừng thứ sinh nghèo 60,0 ha tỷ lệ cây sống đạt trên 90%, cây sinh trưởng tốt. Mô hình chung cất tinh dầu Quế đạt tiêu chuẩn TCVN 6029:2008 (ISO 3216:1997): Tại 05 hộ dân công suất đạt 40,0kg nguyên liệu/ca/8h, tổng sản lượng đạt 250 lít tinh dầu/dự án; Tại Công ty TNHH một thành viên Quế Thường Xuân: Công suất 300 kg/ngày, tổng sản lượng đạt 500 lít tinh dầu/dự án. Mô hình liên kết tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị như: Liên kết với Hội sản xuất và kinh doanh Quế Thường Xuân quảng bá bao tiêu sản phẩm.</p> <p>- Đào tạo được 06 cán bộ kỹ thuật và 400 lượt nông dân vùng triển khai dự án, tiếp thu, nắm vững các quy trình kỹ thuật được chuyên gia, đủ khả năng tham gia triển khai thành công và nhân rộng dự án.</p>	<p>Quế.</p> <p>'- Mô hình chung cất tinh dầu Quế đạt tiêu chuẩn TCVN 6029:2008.</p> <p>'- Mô hình liên kết tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.</p>									
2.4	Dự án “Điều tra đánh giá hiện	Điều tra, đánh giá thực trạng	Thu thập thông tin, các tài liệu, công trình nghiên cứu cùng lĩnh	- Báo cáo chuyên đề phương pháp kế thừa sử	Năm 2019-	2.495,7	2.031,3	464,4	-	-	-	-	

TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
	trạng và bảo tồn các loài Cu li (Nycticebus spp) tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, tỉnh Thanh Hóa”	quản thể nhằm bảo tồn và phát triển bền vững các loài Cu li (Nycticebus spp) đang có nguy cơ tuyệt chủng; góp phần vào việc bảo tồn tính đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, tỉnh Thanh Hóa.	vực. Tổ chức các lớp tập huấn. Điều tra, khảo sát thực địa tại Khu bảo tồn về các loài Cu li (Nycticebus spp) và sinh cảnh của chúng. Giám sát quần thể các loài Cu li (Nycticebus spp). Thực hiện hoạt động điều tra đánh giá ảnh hưởng sinh kế đến nhận thức bảo tồn và mối đe dọa đến các loài Cu li phân bố tại Khu bảo tồn. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng và chính quyền địa phương về bảo tồn các loài Cu li (Nycticebus spp). Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật để bảo vệ các loài Cu li (Nycticebus spp) và môi trường sống của chúng. Đề xuất các giải pháp bảo tồn đối với các loài Cu li (Nycticebus spp) và sinh cảnh của chúng tại Khu bảo tồn. Xử lý số liệu, thông tin thu thập trong quá trình điều tra, khảo sát thực địa và xây dựng các báo cáo, bản đồ chuyên đề. Hội thảo tham vấn ý kiến các nhà quản lý, chuyên gia về Kế hoạch bảo tồn, các báo cáo chuyên đề điều tra bảo tồn các loài Cu li (Nycticebus spp).	dụng các tài liệu, công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến thú linh trưởng và Cu li (Nycticebus spp) ở Việt Nam. Chuyên đề ảnh hưởng sinh kế của cộng đồng vùng đệm đến nhận thức bảo tồn các loài Cu li (Nycticebus spp) tại Khu bảo tồn. Chuyên đề về hiện trạng quần thể và đặc điểm khu vực phân bố các loài Cu li (Nycticebus spp) tại Khu bảo tồn. Chuyên đề về đặc điểm sinh cảnh, cấu trúc thực vật, thành phần thức ăn của các loài Cu li (Nycticebus spp) tại Khu bảo tồn. Chuyên đề về các mối đe dọa, tác động từ cộng đồng đến công tác bảo tồn và phát triển các loài Cu li (Nycticebus spp) tại Khu bảo tồn. Kế hoạch bảo tồn, phát triển hiệu quả hiện trạng quần thể và sinh cảnh của các loài Cu li (Nycticebus spp) tại Khu bảo tồn. Tổng hợp kết quả giám sát các loài Cu li (Nycticebus spp) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.	2021								
2.5	Dự án “Điều tra, bảo tồn, cứu hộ và nuôi dưỡng các loài Rùa tại Khu BTTN Xuân Liên, tỉnh	Điều tra, nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về tính đa dạng của khu hệ rùa và đề xuất các	- Tổng hợp, đánh giá các tài liệu, kế thừa và xử lý tài liệu liên quan đã được công bố. - Điều tra phỏng vấn xác định các yếu tố tự nhiên, ảnh hưởng sinh kế đến môi trường sống và mối đe dọa làm suy giảm quần thể rùa tại	- Sản phẩm 1: Báo cáo tổng kết dự án, báo cáo tóm tắt của dự án. Các báo cáo chuyên đề: Chuyên đề phương pháp kế thừa sử dụng các tài liệu, công trình nghiên cứu khoa	Năm 2020-2022	2.492,5	920,3	1.185,6	386,6	-	-	-	



TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
2.6	Dự án: “Điều tra nghiên cứu đặc điểm các loài cây họ Dầu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	Bảo tồn đa dạng các loài cây họ Dầu. Đề xuất các giải pháp quản lý phát triển tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	Điều tra, đánh giá hiện trạng phân bố, tính đa dạng thành phần loài, xác định những đặc trưng về cấu trúc lâm học, sinh thái học của các loài trong họ Dầu; Xác định các giải pháp bảo tồn loài	chăm sóc và tái thả ngoài tự nhiên. Kết hợp các hoạt động nghiên cứu khoa học, thăm quan du lịch. Ngoài ra, sau khi dự án kết thúc Khu bảo tồn sẽ huy động các nguồn lực để thu hút đầu tư viện trợ trong và ngoài nước, tái đầu tư từ nguồn thu du lịch sinh thái, nhằm quản lý và nâng cấp khu cứu hộ rùa bán hoang dã tại Khu bảo tồn. Báo cáo tổng kết dự án; các báo cáo chuyên đề nghiên cứu về họ Dầu; các giải pháp chiến lược bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững các loài thực vật trong họ Dầu; Bảo tồn tại chỗ và bảo tồn chuyên chỗ một số loài được lựa chọn; Tuyên truyền nâng cao nhận thức chính quyền, cộng đồng và các đối tượng khác.	2021-2023	4.500,0	-	1.500,0	1.500,0	1.500,0			
2.7	Dự án: “Giám sát, bảo tồn loài Vượn đen má trắng ( <i>Nomascus leucogenys</i> ) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên”.	Xây dựng chương trình giám sát nhằm bảo tồn và phát triển bền vững một số loài động vật. Góp phần bảo tồn tính đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	- Thiết kế chương trình giám sát được xây dựng phù hợp với từng đối tượng loài động vật được lựa chọn. Tổ chức các đợt điều tra, bổ sung dữ liệu về tình trạng phân bố đối với các loài được thực hiện. Đánh giá các mối đe dọa đối với quần thể của loài động vật quý hiếm, nguy cấp được lựa chọn. Xây dựng kế hoạch chi tiết bảo tồn đối với các loài động vật quý hiếm nguy cấp; đề xuất các giải pháp can thiệp tác động nhằm kiểm soát các diễn biến theo mục tiêu yêu cầu bảo tồn. Nâng cao	- Dữ liệu mô tả chi tiết sự có mặt và phân bố của các loài và quần thể, các khuynh hướng diễn biến quần thể, các yêu cầu về sinh cảnh và các biện pháp bảo tồn ưu tiên. Báo cáo đánh giá đe dọa đối với các loài động vật được xây dựng. Báo cáo tổng hợp giám sát đối với các loài được lựa chọn. - Kế hoạch chi tiết bảo tồn loài động vật được xây dựng; các giải pháp can	2021-2023	4.500,0	-	1.500,0	1.500,0	1.500,0			



TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
2.8	Dự án “Điều tra, bảo tồn Khu hệ thực vật ngành Thông (Pinophyta) và đề xuất các giải pháp quản lý tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, tỉnh Thanh Hóa”.	Cung cấp dẫn liệu khoa học nhằm bảo tồn và phát triển khu hệ thực vật ngành Thông (Pinophyta). Đề xuất các giải pháp quản lý phát triển khu hệ thực vật ngành Thông tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	nhận thức cho người dân về bảo tồn động vật quý hiếm và nguy cấp.  - Điều tra tại rừng thu thập thông tin về hiện trạng phân bố và các chỉ tiêu lâm sinh của khu hệ thực vật ngành Thông tại Khu BTTN Xuân Liên. Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật lâm sinh nhằm nhân giống, gây trồng đối với các loài thực vật ngành Thông được lựa chọn. Giám sát các hiện tượng thay đổi vật hậu trên tuyến, nơi có phân bố các loài thực vật ngành Thông. Xử lý số liệu, tài liệu thu thập trong quá trình điều tra, khảo sát thực địa và xây dựng các báo cáo, bản đồ chuyên đề. - Xây dựng Kế hoạch hành động bảo tồn, đề xuất các giải pháp bảo tồn đối với khu hệ thực vật ngành Thông và các quần thể Thông tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho chính quyền địa phương, cộng đồng và giáo dục môi trường về bảo tồn khu hệ thực vật ngành Thông và các quần thể Thông. Hội thảo xin ý kiến chuyên gia, các nhà quản lý về các báo cáo chuyên đề điều tra và	thiệp tác động nhằm kiểm soát các diễn biến theo mục tiêu yêu cầu bảo tồn được đề xuất. Các hoạt động tuyên truyền như tập huấn, xây dựng tranh tuyên truyền, các cuộc thi tìm hiểu, hội nghị ... được xây dựng, truyền tải và cung cấp đến các nhóm chính quyền địa phương, cộng đồng, học sinh...  - Dự án và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt; Các công trình nghiên cứu có liên quan đến các nội dung nghiên cứu tổng hợp; Hệ thống 05 phiếu biểu điều tra được xây dựng. Số liệu gốc, điều kiện vật chất, trang thiết bị, nhân lực, kỹ thuật; hiện trạng phân bố, đặc điểm cấu trúc thảm, thổ nhưỡng đất đai, các nguyên nhân, mối đe dọa đến loài...; - Các báo cáo và bản đồ chuyên đề theo nội dung yêu cầu. Cán bộ Khu bảo tồn được Tập huấn phương pháp kỹ thuật thu hái, bảo quản và nhân giống một số loài thực vật ngành Thông. - Thử nghiệm nhân giống một số loài thực vật ngành Thông thành công. Thử nghiệm trồng rừng tập trung, Khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung một số loài thực vật ngành Thông nhân giống thành công.	2023-2025	4.500,0	-	-	-	1.500,0	1.500,0	1.500,0	

TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
2.9	Đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình kinh tế xanh theo hướng phát triển bền vững trên vùng lòng hồ Cửa Đạt và các xã thuộc lưu vực sông Chu, tỉnh Thanh Hóa”.	<p>- Đánh giá được thực trạng các mô hình kinh tế, môi trường, nguồn vốn tự nhiên và xác định được những khó khăn, thách thức đến tính bền vững tại khu vực lòng hồ thủy điện Cửa Đạt và 04 xã thuộc lưu vực sông Chu.</p> <p>- Xây dựng thành công mô hình phát triển kinh tế xanh, mô hình kinh tế nông nghiệp bền vững nhằm bảo vệ môi trường và nâng cao thu nhập của người dân tại</p>	<p>Kế hoạch nghiên cứu bảo tồn khu hệ thực vật ngành Thông.</p> <p><b>Nội dung 1:</b> Nghiên cứu cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn phát triển mô hình kinh tế xanh trong nước, trên thế giới và đánh giá thực trạng các mô hình kinh tế.</p> <p><b>Nội dung 2:</b> Thu thập, khảo sát bổ sung và đánh giá thực trạng điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường (nước, đất, không khí, chất thải rắn và sinh vật) .</p> <p><b>Nội dung 3:</b> Kiểm kê và lượng giá nguồn vốn tự nhiên tại hồ Cửa Đạt của 04 xã, thị trấn thuộc lưu vực sông Chu.</p> <p><b>Nội dung 4:</b> Nghiên cứu xây dựng các bản đồ môi trường, xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về môi trường, tài nguyên và các thách thức.</p> <p><b>Nội dung 5:</b> Nghiên cứu xác định các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với sự phát triển bền vững ở hồ Cửa Đạt, 04 xã thuộc lưu vực sông Chu lựa chọn nghiên cứu.</p> <p><b>Nội dung 6:</b> Xây dựng 05 mô hình phát triển kinh tế xanh phù hợp cho hồ Cửa Đạt, 04 xã, thị trấn.</p> <p><b>Nội dung 7:</b> Triển khai các mô hình kinh tế xanh tại hồ Cửa Đạt và 04 lưu vực sông Chu lựa chọn nghiên cứu.</p> <p><b>Nội</b></p>	<p>- Kế hoạch và các giải pháp bảo tồn đảm bảo tính khoa học, sát với thực tế ở khu vực nghiên cứu. Nhận thức của chính quyền địa phương, cộng đồng được nâng cao hiệu hơn nữa trong hoạt động bảo vệ rừng, bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học</p> <p>- Các sản phẩm mô hình du lịch cộng đồng, sinh thái lòng hồ có tiêu chí xanh, tiêu chí giải trí để thu hút được lượng khách nước ngoài, cơ sở giáo dục trong nước (đặc biệt là các trường học phổ thông). Rau hữu cơ và sản phẩm thủy sản nuôi trồng trên lòng hồ đảm bảo quy định. Cá Leo là loại đặc sản phân bố tại các lưu vực sông thuộc miền Bắc Việt Nam, có độ thơm ngon, hàm lượng dinh dưỡng cao, đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch và người dân địa phương. Các báo cáo tổng luận về kinh tế xanh, về cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn phát triển mô hình kinh tế xanh. Báo cáo đánh giá các thực trạng về mô hình kinh tế tại 04 xã, thị trấn và hồ Cửa Đạt. Bộ tư liệu, số liệu thu thập và kết quả điều tra khảo sát thực trạng ô nhiễm môi trường, đa dạng sinh học, tài nguyên thiên</p>	2021-2025	10.000,0	-	2.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	

TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
2.10	Dự án: “Cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân vùng đệm Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên - tỉnh Thanh Hóa thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, giảm áp lực đối với tài nguyên rừng đặc dụng”.	địa phương.  Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và cải thiện cuộc sống cho người dân vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, giúp họ có khả năng tiếp nhận, ứng dụng các tiến bộ về khoa học công nghệ trong việc giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường và phục vụ sản xuất, đời sống, góp	<b>dung 8:</b> Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn các xã áp dụng mô hình kinh tế xanh và đề xuất các giải pháp nhân rộng áp dụng cho các lòng hồ và lưu vực sông ở Thanh Hóa và viết báo cáo tổng kết.  - Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan, môi trường xung quanh nơi ở của người dân tạo nên nếp sống sạch-đẹp. - Đưa đại gia súc, gia cầm ra khỏi gầm nhà sàn, xây dựng chuồng trại tập trung, khoa học tách biệt khu ở hợp vệ sinh môi trường, bảo vệ sức khỏe và nhân rộng, phổ cập ra toàn thôn và xã lân cận. - Xây dựng hệ thống Biogas kết hợp với sử dụng chất thải từ các chuồng trại tập chung nhằm tiết kiệm nhiên liệu, thay thế nguyên	nhiên. Bản đồ hiện trạng môi trường, phân bố tài nguyên, nguồn lợi, bản đồ quy hoạch tuyến, điểm tham quan du lịch. Mô hình kinh tế xanh tổng hợp áp dụng cho thị trấn Thường Xuân, Mô hình kinh tế xanh tổng hợp áp dụng cho xã Thọ Thanh. Mô hình kinh tế xanh tổng hợp áp dụng cho xã Xuân Dương, Mô hình kinh tế xanh tổng hợp áp dụng cho xã Xuân Cao, Mô hình kinh tế xanh tổng hợp áp dụng cho lòng hồ Cửa Đạt - Triển khai họp thôn lựa chọn các hộ tham gia dự án. - Tổ chức các lớp tập huấn về nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cộng đồng. Tập huấn cho cán bộ và người dân tham gia dự án về kỹ thuật xây dựng chuồng trại tập trung, chăn nuôi gia súc. Tập huấn về xây dựng, sử dụng, bảo quản hệ thống Biogas. - Xây dựng mô hình chăn nuôi tập trung, di chuyển đàn gia súc, gia cầm ra ngoài gầm nhà sàn. Tổ chức cho 30 hộ dân tham gia mô hình xây dựng chuồng trại phục vụ chăn nuôi tập trung gia súc, gia cầm. Thực hiện di chuyển đàn gia súc, gia cầm ra ngoài gầm nhà sàn	2021-2023	3.000,0	-	1.000,0	1.000,0	1.000,0			

TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
2.11	Dự án: “Giám sát, bảo tồn loài Voọc xám (Trachypithecus crepusculus) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên”.	phần trong chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới của các cấp chính quyền.  Xây dựng chương trình giám sát nhằm bảo tồn và phát triển bền vững một số loài động vật. Góp phần bảo tồn tính đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế chương trình giám sát được xây dựng phù hợp với từng đối tượng loài động vật được lựa chọn.</li> <li>- Tổ chức các đợt điều tra, bổ sung dữ liệu về tình trạng phân bố đối với các loài được thực hiện.</li> <li>- Đánh giá các mối đe dọa đối với quần thể của loài động vật quý hiếm, nguy cấp được lựa chọn.</li> <li>- Xây dựng kế hoạch chi tiết bảo tồn đối với các loài động vật quý hiếm nguy cấp; đề xuất các giải pháp can thiệp tác động nhằm kiểm soát các diễn biến theo mục tiêu yêu cầu bảo tồn.</li> <li>- Nâng cao nhận thức cho người dân về bảo tồn động vật quý hiếm và nguy cấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>vào chuồng trại chăn nuôi tập trung.</li> <li>- Xây dựng hệ thống Biogas. Khảo sát đơn vị cung cấp, mua và cung cấp cho các hộ tham gia mô hình. Triển khai cho các hộ dân xây dựng và đưa vào sử dụng.</li> <li>- In ấn tài liệu tuyên truyền. Biên soạn 200 bộ tài liệu. In ấn, cấp phát tài liệu cho 200 hộ dân được tập huấn.</li> <li>- Tổ chức hội thảo, hội nghị tổng kết dự án.</li> <li>- Dữ liệu mô tả chi tiết sự có mặt và phân bố của các loài và quần thể, các khuynh hướng diễn biến quần thể, các yêu cầu về sinh cảnh và các biện pháp bảo tồn ưu tiên.</li> <li>- Báo cáo đánh giá đe dọa đối với các loài động vật được xây dựng.</li> <li>- Báo cáo tổng hợp giám sát đối với các loài được lựa chọn.</li> <li>- Kế hoạch chi tiết bảo tồn loài động vật được xây dựng; các giải pháp can thiệp tác động nhằm kiểm soát các diễn biến theo mục tiêu yêu cầu bảo tồn được đề xuất.</li> <li>- Các hoạt động tuyên truyền như tập huấn, xây dựng tranh tuyên truyền, các cuộc thi tìm hiểu, hội</li> </ul>	2022-2024	4.500,0	-		1.500,0	1.500,0	1.500,0		

TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
2.12	Dự án: “Giám sát, bảo tồn loài các loài Mang (Muntiacus spp) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên”.	Xây dựng chương trình giám sát nhằm bảo tồn và phát triển bền vững một số loài động vật. Góp phần bảo tồn tính đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế chương trình giám sát được xây dựng phù hợp với từng đối tượng loài động vật được lựa chọn.</li> <li>- Tổ chức các đợt điều tra, bổ sung dữ liệu về tình trạng phân bố đối với các loài được thực hiện.</li> <li>- Đánh giá các mối đe dọa đối với quần thể của loài động vật quý hiếm, nguy cấp được lựa chọn.</li> <li>- Xây dựng kế hoạch chi tiết bảo tồn đối với các loài động vật quý hiếm nguy cấp; đề xuất các giải pháp can thiệp tác động nhằm kiểm soát các diễn biến theo mục tiêu yêu cầu bảo tồn.</li> <li>- Nâng cao nhận thức cho người dân về bảo tồn động vật quý hiếm và nguy cấp.</li> </ul>	<p>ngợi ... được xây dựng, truyền tải và cung cấp đến các nhóm chính quyền địa phương, cộng đồng, học sinh...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu mô tả chi tiết sự có mặt và phân bố của các loài và quần thể, các khuynh hướng diễn biến quần thể, các yêu cầu về sinh cảnh và các biện pháp bảo tồn ưu tiên.</li> <li>- Báo cáo đánh giá đe dọa đối với các loài động vật được xây dựng.</li> <li>- Báo cáo tổng hợp giám sát đối với các loài được lựa chọn.</li> <li>- Kế hoạch chi tiết bảo tồn loài động vật được xây dựng; các giải pháp can thiệp tác động nhằm kiểm soát các diễn biến theo mục tiêu yêu cầu bảo tồn được đề xuất.</li> <li>- Các hoạt động tuyên truyền như tập huấn, xây dựng tranh tuyên truyền, các cuộc thi tìm hiểu, hội nghị ... được xây dựng, truyền tải và cung cấp đến các nhóm chính quyền địa phương, cộng đồng, học sinh...</li> </ul>	2023-2025	4.500,0	-			1.500,0	1.500,0	1.500,0	
3	<b>Ban QL RPH Lang Chánh</b>					300	10	170	30	30	30	30	
3.1	Đánh giá hàng năm Đề án BVMT chi tiết	Đạt tiêu chuẩn	Đảm bảo các chỉ tiêu VS	Báo cáo đánh giá	6 tháng/lần	100	0	20	20	20	20	20	

TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
3.2	XCBLs Giám sát môi trường FSC	Đạt tiêu chuẩn	Đảm bảo các tiêu chí VSMT	Được tổ chức GFA đánh giá	2020	60	10	10	10	10	10	10	
3.3	XD các công trình VS, nhà tắm, giếng nước hợp vệ sinh Trạm 5	Kiên cố	Đảm bảo các tiêu chí VSMT	Công trình đưa vào sử dụng	2021	140		140					
4	<b>Chi cục Thủy sản</b>					<b>19.620,0</b>	<b>60,0</b>	<b>3.600,0</b>	<b>9.081,0</b>	<b>6.878,0</b>	-	-	
4.1	Quản lý và bảo vệ loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm và bảo vệ môi trường thủy sản trên địa bàn tỉnh hàng năm.	Công tác quản lý và bảo vệ loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm được duy trì thường xuyên, liên tục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm in và phát tờ rơi; altas; tổ chức lớp tập huấn tuyên truyền các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</li> <li>- Tổ chức kiểm tra, nắm bắt tình hình quản lý bảo vệ loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm và môi trường thủy sản trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các địa phương rà soát, tổng hợp các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh.</li> <li>- Tổ chức thực hiện cứu hộ các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm in và phát 10.000 tờ rơi; in altas; tổ chức 01 lớp tập huấn tuyên truyền các quy định của pháp luật về bảo vệ các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</li> <li>- Đa số cộng đồng dân cư nhận thức và tham gia vào công tác bảo vệ các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm.</li> <li>- Tổ chức kiểm tra, nắm bắt tình hình quản lý và bảo vệ các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm; phối hợp với các địa phương rà soát, tổng hợp các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh.</li> <li>- BC Đánh giá tổng cường lực, tình hình hoạt động khai thác và phân bổ cường lực khai thác của các loại nghề ở tỉnh Thanh Hóa.</li> <li>- BC Tổng sản lượng khai thác hải sản, cơ cấu sản lượng và ngư trường khai thác của các loại nghề ở tỉnh Thanh Hóa</li> <li>- BC Đánh giá đặc điểm sinh học cơ bản, xác định mùa</li> </ul>	Hàng năm	240	60	60	60	60			
4.2	Điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm hàng năm	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về thủy sản tại địa phương	Thu thập số liệu nghề cá thương phẩm		Hàng năm	4.880		2.440	1.220	1.220			

TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú
4.3	Chương trình Điều tra đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản vùng lộng, vùng biển ven bờ tỉnh Thanh Hóa	Xác định trữ lượng, sản lượng cho phép khai thác, đánh giá sự biến động của nguồn lợi thủy sản, chất lượng môi trường sống của loài thủy sản vùng lộng và ven bờ ; phục vụ công tác quản lý, sử dụng nguồn lợi thủy sản bền vững	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều tra, đánh giá, xác định thành phần loài, thành phần sản lượng, mật độ, độ phong phú, phân bố, trữ lượng của các loài thủy sản, sản lượng cho phép khai thác nguồn lợi thủy sản;</li> <li>- Đánh giá đặc điểm sinh học của loài thủy sản;</li> <li>- Xác định các yếu tố môi trường, thủy sản, hải dương học, thủy sinh vật khác có liên quan đến nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và vùng lộng tỉnh Thanh Hóa.</li> </ul>	<p>vụ sinh sản và thời điểm bổ sung nguồn lợi của một số loài hải sản kinh tế quan trọng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- BC Đánh giá mức độ xâm hại nguồn lợi của một số loại nghề khai thác, đề xuất giải pháp hạn chế và giảm thiểu tác động-</li> <li>- BC Đánh giá hoạt động công tác quản lý nghề cá, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở tỉnh Thanh Hóa</li> <li>- BC Đánh giá tổng hợp kết quả điều tra nghề cá thương phẩm của tỉnh Thanh Hóa, đề xuất giải pháp quản lý phù hợp với thực tiễn ở địa phương</li> <li>- BC công bố trữ lượng, sản lượng cho phép khai thác tại vùng lộng và ven bờ tỉnh Thanh Hóa</li> <li>- BC tổng hợp đánh giá hiện trạng đặc điểm môi trường, hải dương học, đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản tại vùng lộng và ven bờ Thanh Hóa</li> <li>- BC đánh giá hiện trạng hoạt động khai thác hải sản và nghề cá tại vùng lộng và ven bờ Thanh Hóa</li> <li>- BC nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp bảo vệ nguồn lợi, quản lý và phát triển bền vững nghề cá tỉnh Thanh Hóa; Đề xuất hạn ngành khai thác thủy sản tại vùng lộng và ven bờ tỉnh Thanh Hóa</li> </ul>	2022-2023	11.000			5.401	5.598			

TT	Tên nhiệm vụ/ mô hình	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Ghi chú	
4.4	Đề tài nghiên cứu đa dạng sinh học khu vực vùng biển Hòn Nẹ	Thiết lập khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Điều tra, đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học và môi trường tại khu vực vùng biển Hòn Nẹ	Báo cáo kết quả hiện trạng nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học và môi trường tại khu vực vùng biển Hòn Nẹ. Đề xuất vào danh mục các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản	2021-2025	3.500		1.100	2.400					
<b>TỔNG CỘNG</b>								<b>84.758</b>	<b>12421,5</b>	<b>14.930</b>	<b>21.458</b>	<b>21.388</b>	<b>8.730</b>	<b>5.830</b>